

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 26/2023/DS-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triển, bà Vũ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín – Thư ký tòa án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: ông Đặng Anh Tuấn, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KT VN (Techcombank)

Địa chỉ: Số 191, đường Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh Hùng, ông Nguyễn Hữu Tiến Anh – Nhân viên xử lý nợ, Ngân hàng TMCP KT VN.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1957, có mặt.

2.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1958, có mặt.

Nơi cư trú: thôn CC, xã KX, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1983, vắng mặt

3.2. Cháu Nguyễn Thị Thúy Thảo, sinh năm 2004, vắng mặt

3.3. Cháu Nguyễn Hoàng Sa, sinh năm 2009, vắng mặt

3.4. Cháu Nguyễn Thị Kiều Trinh, sinh năm 2007, vắng mặt

3.5. Anh Nguyễn Văn Chắt, sinh năm 1974, vắng mặt

3.6. Chị Nguyễn Hoàng Anh, sinh năm 1974, vắng mặt

Người đại diện cho cháu Trinh : ông Nguyễn Văn Nh, có mặt

Người đại diện cho cháu Thảo, cháu Sa : anh Nguyễn Văn Hoàng, vắng mặt

Đều cư trú tại: thôn CC, xã KX, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2021, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Bùi Minh Hùng, ông Nguyễn Hữu Tiến Anh trình bày:

Ngân hàng TMCP KT VN với vợ chồng ông bà Nguyễn Văn Nh, Lê Thị L sau quá trình thỏa thuận đã ký kết hợp đồng tín dụng số VPC 2014303/HĐTD ngày 20/11/2014. Theo đó Ngân hàng Kỹ Thương cho vợ chồng Nh, L vay 410.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 26/11/2021, lãi suất vay 11,49%/năm (có điều chỉnh biên độ 5,36%/01 năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; phương thức giải ngân là tiền mặt; việc trả gốc chia ra làm 84 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng, trả vào ngày 26 hàng tháng, mỗi tháng 4.881.000đ, kỳ cuối là 4.877.000đ; mục đích vay vốn là hộ kinh doanh – siêu tốc.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nh, bà L đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp số: VPC2014129 ngày 21/11/2014 thế chấp thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² tại thôn CC, xã KX, huyện VT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho ông bà Nh, L (có giấy nhận nợ); ông bà Nh L sử dụng vốn vay và đã trả được cho ngân hàng một số khoản gốc và lãi cho ngân hàng.

Tính đến hết ngày 02/8/2023 thì ông bà Nh, L còn nợ của ngân hàng 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ).

Ngoài ra, theo bộ phận kế toán của ngân hàng thông báo, ông bà Nh L còn nợ lãi phạt là 154.856.742đ. Tuy nhiên, ngân hàng không yêu cầu ông bà phải trả khoản tiền này nữa, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Việc ông Nh, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay được quy định trong hợp đồng tín dụng đã được ký giữa hai bên, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho ông Nh, bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng đến nay vẫn không thanh toán được nợ vay cho Ngân hàng.

Do vậy Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông Nh, bà L:

- Phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả cho ngân hàng 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ; số liệu tính đến hết ngày 02/8/2023) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc (lãi suất 19,22%/01 năm) từ ngày 03/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

- Nếu ông Nh, bà L không thanh toán, trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm: thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² (200m² đất ở và 579,3m² đất vườn) có địa chỉ tại thôn CC, xã KX, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

Về án phí: Đề nghị vợ chồng ông Nh phải chịu theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Techcombank đã nộp chi phí thẩm định tài sản, chi phí đo đạc diện tích đất thế chấp, nhưng Techcombank tự nguyện chịu nộp toàn bộ, không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh trình bày:

- Ông xác nhận những nội dung trình bày của đại diện ngân hàng là đúng. Ông cũng đồng ý trả nợ cho ngân hàng, nhưng vì điều kiện khó khăn, xin được trả dần và xin được miễn giảm toàn bộ số tiền lãi.

- Ông cũng xác nhận việc các bên có giao kết hợp đồng thế chấp như đại diện ngân hàng vừa trình bày là đúng. Hiện nay, trên thửa đất đang thế chấp, vợ chồng ông có làm 01 ngôi nhà cấp IV kiểu mái Thái, sinh sống cùng con trai là Hoàng và các cháu là Thảo, Sa, Trinh.

- Cũng trên thửa đất nêu trên, em trai ông là Nguyễn Văn Chắt cùng vợ là Nguyễn Hoàng Anh có xây dựng 01 ngôi nhà cấp IV (và một số công trình nhỏ lẻ ít giá trị và cây cối trên đất) trên diện tích đất 144,5m² (Tòa án và Công ty đo đạc đã dựng sơ đồ đất). Diện tích đất này dự kiến sẽ cắt cho vợ chồng ông Chắt, bà Hoàng Anh. Toàn bộ tài sản trên diện tích đất này là của ông Chắt và bà Hoàng Anh.

- Ông Nh cũng xác định: nếu không trả được nợ cho ngân hàng, thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định.

- Về án phí: Ông Nh, bà L xin được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn là bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án trình bày: Xác nhận và đồng ý với ý kiến của ông Nh, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Hoàng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án trình bày: Xác nhận và đồng ý với ý kiến của ông Nh, không bổ sung gì thêm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Thị Thúy Thảo, Nguyễn Hoàng Sa, Nguyễn Thị Kiều Trinh, ông Nguyễn Văn Chắt, bà Nguyễn Hoàng Anh vắng mặt tại phiên tòa: Tuy nhiên có người đại diện là ông Nh, anh Hoàng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Ông Chắt, bà Hoàng Anh vắng mặt không có lý do, nên HĐXX căn cứ lời trình bày của các đương sự khác, chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa.

- *Về tuân theo tố tụng, chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các thành viên hội đồng xét xử; nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (còn vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa không có lý do).

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng: Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 325, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Án lệ số 11/2017/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Techcombank.

+ Buộc bà L, ông Nh phải trả cho techcombank số tiền 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc (lãi suất 19,22%/01 năm) từ ngày 03/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

+ Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định nêu trên thì Techcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² (200m² đất ở và 579,3m² đất vườn) có địa chỉ tại thôn CC, xã KX, huyện VT, Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

Ông Nguyễn Văn Chắt và bà Nguyễn Hoàng Anh được quyền ưu tiên mua lại thửa đất 178 tờ bản đồ 17 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại giai đoạn thi hành án hoặc theo thỏa thuận của các đương sự khi xử lý tài sản bảo đảm. Nếu ông Chắt bà Hoàng Anh không mua lại thì khi xử lý tài sản bảo đảm phải trả cho ông Chắt bà Hoàng Anh giá trị bằng tiền đối với ngôi nhà cấp IV và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 144,5m² (kí hiệu A, 10, 11, 12, 13, b, A, có sơ đồ đất kèm theo).

+ Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bà L, ông Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Techcombank khởi kiện bà L, ông Nh yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi cư trú tại xã KX, huyện VT. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị đơn là bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng (đã được tổng đạt hợp lệ QĐXX, Quyết định hoãn phiên tòa). Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thụ lý vụ án là Kinh doanh thương mại, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự xác định cho vay dân sự, bị đơn là ông Nh, bà L không có đăng ký kinh doanh. Do vậy, HĐXX xác định vụ án là dân sự, và giải quyết theo thủ tục chung.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều xác nhận có việc vay nợ diễn ra giữa nguyên đơn Techcombank và đồng bị đơn là ông Nh và bà L. Theo đó, các bên đã ký kết hợp đồng tín dụng số VPC 2014303/HĐTD ngày 20/11/2014 với nội dung:

Techcombank cho vợ chồng Nh, L vay 410.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 26/11/2021, lãi suất vay 11,49%/năm (có điều chỉnh biên độ 5,36%/01 năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; phương thức giải ngân là tiền mặt; việc trả gốc chia ra làm 84 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng, trả vào ngày 26 hàng tháng, mỗi tháng 4.881.000đ, kỳ cuối là 4.877.000đ; mức đích vay vốn là hộ kinh doanh, siêu tốc. Ngân hàng đã giải ngân, vợ chồng ông Nh đã sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết trong hợp đồng.

2.2. Các bên đương sự xác định: Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nh, bà L đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp số: VPC2014129 ngày 21/11/2014 thế chấp thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² tại thôn CC, xã KX, huyện VT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

2.3. Các bên đương sự cũng xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho ông bà Nh, L (có giấy nhận nợ); ông bà Nh L sử dụng vốn vay và đã trả được cho ngân hàng một số khoản gốc và lãi cho ngân hàng.

Tính đến hết ngày 02/8/2023 ông Nh, bà L còn nợ ngân hàng 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2023.

2.4. Việc ông Nh, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả nợ vay đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng. Cần buộc ông bà Nh, L phải thanh toán, trả nợ cho ngân hàng.

Do vậy Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông Nh, bà L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả cho ngân hàng 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ; số liệu tính đến hết ngày 02/8/2023) và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2023 là phù hợp với ý chí của các bên và thực tế, được HĐXX chấp nhận.

Từ ngày 03/8/2023 ông Nh, bà L tiếp tục phải trả khoản tiền lãi cho ngân hàng, lãi suất là 19,22%/01 năm/dư nợ gốc chưa thanh toán (lãi suất quá hạn, được điều chỉnh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng).

Nếu ông Nh, bà L không thanh toán, trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm: thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² (200m² đất ở và 579,3m² đất vườn) có địa chỉ tại thôn CC, xã KX, huyện VT, Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

Trên thửa đất thế chấp nêu trên, có tài sản của vợ chồng em trai ông Nh là ông Nguyễn Văn Chắt, bà Nguyễn Hoàng Anh. Trên diện tích đất 144,5m² (kí

hiệu A, 10, 11, 12, 13, b, A, có sơ đồ đất kèm theo), hai ông bà đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp IV và các tài sản, cây cối trên đất. Do vậy, khi xử lý tài sản bảo đảm cần ưu tiên quyền mua lại tài sản là thửa đất 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho ông Chắt, bà Hoàng Anh. Nếu ông bà không mua lại, thì khi bán tài sản bảo đảm, phải thanh toán giá trị toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 144,5m² (kí hiệu A, 10, 11, 12, 13, b, A, có sơ đồ đất kèm theo) cho ông Chắt, bà Hoàng Anh theo quy định.

3. *Về án phí*: Techcombank là nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nh, bà L là bị đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, ông bà đều đã trên 60 tuổi, điều kiện kinh tế khó khăn, có yêu cầu miễn án phí sơ thẩm nên được HĐXX chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Techcombank tự nguyện chịu toàn bộ, không đề nghị giải quyết trong vụ án, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 317, Điều 318, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Án lệ số 11/2017/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KT VN về việc buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị L phải liên đới thanh toán, trả cho Ngân hàng TMCP KT VN số tiền 943.948.522đ (gốc là 336.785.000đ; lãi trong hạn là 136.603.651đ; lãi quá hạn là 315.703.129đ; số liệu tính đến hết ngày 02/8/2023) và và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc (lãi suất 19,22%/01 năm) từ ngày 03/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định nêu trên thì Techcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm gồm: thửa đất số 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² (200m² đất ở và 579,3m² đất vườn) có địa chỉ tại thôn CC, xã KX, huyện VT, Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đất được cấp GCNQSDĐ số BT 661724 ngày 29/7/2014 do UBND huyện VT cấp cho ông Nguyễn Văn Nh.

Ông Nguyễn Văn Chắt và bà Nguyễn Hoàng Anh được quyền ưu tiên mua lại tài sản là thửa đất 178 tờ bản đồ 17, diện tích 779,3m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho ông Chắt, bà Hoàng Anh. Nếu ông bà không mua lại, thì khi bán tài sản bảo đảm, phải thanh toán giá trị ngôi nhà cấp IV và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 144,5m² (kí hiệu A, 10, 11, 12, 13, b, A, có sơ đồ đất kèm theo) cho ông Chắt, bà Hoàng Anh theo quy định.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ, ông Nh, bà L phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Techcombank đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

3. Về án phí: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn Nh và bà Lê Thị L.

Trả lại cho Techcombank số tiền 17.330.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0005414 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- UBND xã KX (niêm yết);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công